TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST.
Ngày: 13-01-2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số nhà 7C/13, ấp TT, xã TH, huyện LH, tỉnh VL (vắng mặt).

- Bị đơn:

Anh Trần Khánh P, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Chị Lâm Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số nhà 43/6A, Đường HT9, Phường M, thành phố VL, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng H trình bày như sau:

Giữa chị và vợ chồng chị Lâm Thị T, anh Trần Khánh P là bạn bè với nhau nên chị T, anh P có vay của chị tổng số tiền là 65.000.000 đồng, cụ thể qua các lần:

- Ngày 07/6/2017 vay 30.000.000 đồng, có làm biên nhận, anh P và chị T cùng ký tên.

- Ngày 07/9/2017 vay 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, anh P và chị T cùng ký tên.

- Ngày 11/01/2018 vay thêm 15.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có mình chị T ký tên có phương án mỗi ngày trả 200.000 đồng trả trong vòng 3 tháng.

Tất cả các lần vay trên đều không có thời hạn trả, không có lãi suất và có thỏa thuận miệng là đến khi nào cần sử dụng số tiền trên thì chị H sẽ thông báo cho vợ chồng chị T anh P biết trước một tuần.

Vào năm 2020 chị H do có nhu cầu sử dụng số tiền trên nên có yêu cầu chị T, anh P trả cho chị tổng số tiền là 65.000.000 đồng nhưng chị T, anh P không trả và cố tình tránh mặt. Nay chị yêu cầu chị T và anh P trả cho chị số tiền 65.000.000 đồng, chị H không yêu cầu tính lãi.

Chị Lâm Thị T và anh Trần Khánh P đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến về việc khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị T, anh P trả cho chị số tiền đã vay 65.000.000 đồng, chị H không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Lâm Thị T và anh Trần Khánh P được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28/12/2020 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Lâm Thị T và anh Trần Khánh P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng H: Yêu cầu chị Lâm Thị T và anh Trần Khánh P trả cho chị tổng số tiền 65.000.000 đồng, Hội đồng

xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các biên nhận ngày 07/6/2017 vay 30.000.000 đồng; ngày 07/9/2017 vay 20.000.000 đồng; ngày 11/01/2018 vay 15.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mà chị T và anh P vay của chị H là 65.000.000 đồng, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T, anh P không có ý kiến và cũng không có gì chứng minh về việc vay mượn của mình là có hay không nhưng trong các biên nhận có chữ ký của chị T, anh P thì việc vay mượn này là có thật, phù hợp với Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị H là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu không tính lãi của chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị H.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a và b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng H.

Buộc chị Lâm Thị T và anh Trần Khánh P có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Hồng H số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Chị H không tính lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc chị Lâm Thị T và anh Trần Khánh P phải chịu 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí cho chị Huỳnh Thị Hồng H theo biên lai thu số N_0 0005707 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Diễm